

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày 10-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình

Thẩm phán: Ông Đỗ Văn Hiên

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chương

Ông Vũ Huy Trí

Bà Nguyễn Thị Đông Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức C - Kiểm sát viên trung cấp

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 94/2021/TLST-HS ngày 28/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2021/QĐXXST-HS ngày 27/12/2021 đối với bị cáo:

Trần Huy C. Sinh năm 1981 tại Hưng Yên. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Linh Nh, xã Đăk Dj, huyện Mang Y, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: làm nông Trình độ học vấn: 7/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Giới tính: nam. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn U, sinh năm 1941 và bà Bùi Thị Thúy M (đã chết). Có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1987, có 03 con, lớn nhất 12 tuổi, nhỏ nhất 6 tuổi Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị truy nã, bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Đại Huân - VPLS Lê Thành, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai.

* *Bị hại:* Anh Đinh Xuân T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn A, xã Diên Ph, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Linh Nham, xã Đăk Dj, huyện Mang Y, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Trần Văn K, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn A, xã Diên Ph, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Lê Thái Đ, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn Linh Nh, xã Đăk Dj, huyện Mang Y, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị Huy, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Linh Nham, xã Đăk Dj, huyện Mang Y, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

** Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983. Địa chỉ: 14 An Dương V, phường Thắng L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Lý Ngọc Thành Đ, sinh năm 1993. Địa chỉ: 14 An Dương V, phường Thắng L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Trần Huy C cùng vợ là Phạm Thị H làm nông và sinh sống tại thôn Linh Nh, xã Đăk Dj, huyện Mang Y, tỉnh Gia Lai. Ngày 29/8/2018, Trần Huy C thế chấp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để vay vốn tại Ngân hàng Bản V Gia Lai với số tiền 1.620.000.000 đồng để đầu tư trồng tiêu và các loại cây công nghiệp khác tại xã Đăk Dj, huyện Mang Y, tỉnh Gia Lai, thời hạn vay là 10 năm. Trong quá trình làm ăn, khoảng tháng 9/2019, Trần Huy C có vay tiền của anh Đinh Xuân T, sau đó C đã trả tiền lãi, tiền gốc cho anh T đúng như cam kết. Ngày 02/3/2020, do không có tiền để trả lãi cho khoản vay Ngân hàng đồng thời bị cáo có ý định muốn trả hết tiền cho Ngân hàng rồi rút các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng để bán cho người khác nên bị cáo C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh Đinh Xuân T. Bị cáo C lợi dụng vào mối quan hệ quen biết và sự tin tưởng của anh Đinh Xuân T qua lần vay tiền trước đó, bị cáo hỏi vay của anh Đinh Xuân T với số tiền 2.000.000.000 đồng để đáo hạn nợ tại Ngân hàng Bản V, mặc dù thời hạn hợp đồng vay tiền của bị cáo C với ngân hàng đến ngày 29/8/2028 mới phải thanh toán. Do tin tưởng C nên anh T đồng ý cho C vay số tiền nêu trên. Trước khi cho C vay tiền, anh T yêu cầu khi vay tiền thì phải có hai vợ chồng C cùng đi để xác nhận nợ, C phải đưa anh T giữ các loại giấy tờ gồm: Sổ hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân của C và vợ C để đảm bảo việc trả nợ. C đồng ý. Khoảng 14h ngày 02/3/2020, C liên lạc với anh T qua điện thoại và hai bên hẹn gặp nhau tại Đ Đinh Tiên H, thành phố P (gần Ngân hàng Bản V) để làm thủ tục vay tiền. Do bận việc cá nhân nên anh T nhờ anh Lý Ngọc Thành Đ (sinh năm: 1993, trú tại:

14 An Dương V, thành phố P, tỉnh Gia Lai, là người làm cho anh T) đến gặp C để kiểm tra các loại giấy tờ tùy thân của C và yêu cầu C viết giấy tờ mượn tiền. Khi gặp anh Đ thì C có đi cùng một người phụ nữ tên Hương do C gặp và nhờ (chưa rõ nhân thân, lai lịch), C giới thiệu với anh Đ đây là vợ mình (Phạm Thị H) và đưa anh Đ 02 (hai) Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Huy C và Phạm Thị H cùng Sổ hộ khẩu của gia đình C. Tại đây, Trần Huy C đã viết Giấy mượn của anh Đinh Xuân T số tiền 2.000.000.000 đồng mục đích để đáo hạn ngân hàng, hẹn 05 ngày sẽ trả tiền gốc và tiền lãi. Sau đó, C đưa cho người phụ nữ đi cùng ký tên với C vào giấy mượn tiền này với tên là Phạm Thị H. Sau đó, anh Đ cầm toàn bộ giấy tờ tùy thân của C và giấy mượn tiền nêu trên đưa cho anh Đinh Xuân T. Khoảng 17h ngày 02/3/2020, anh T và C gặp nhau tại Đ Lê Thánh Tôn, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi gặp anh T thì C cũng đi cùng người phụ nữ hôm trước và giới thiệu với anh T đây là Phạm Thị H vợ của C. Vì tin tưởng C và tưởng rằng các thông tin mà C nói là thật nên anh T đã đồng ý cho C vay tiền và dùng điện thoại di động chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình số 109870810490 vào tài khoản ngân hàng của C số 0567041000126 với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền trên, ngày 03/3/2020, Trần Huy C đến Ngân hàng Bản V, trụ sở tại số 71 Đinh Tiên H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, C không đáo hạn mà sử dụng số tiền đã vay của anh T trả nợ hết các khoản tiền vay và rút toàn bộ tài sản thế chấp (gồm 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của ngân hàng là 1.779.000.00 đồng, số tiền còn lại 221.000.000 đồng thì C đã sử dụng đưa vợ trả nợ, mua quà cho con và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, C cắt liên lạc với anh T và bỏ đi khỏi địa phương. Đến ngày 13/4/2020, Trần Huy C trở về nhà và cùng vợ là Phạm Thị H đến Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tr, huyện Đăk Đ, tỉnh Gia Lai làm Hợp đồng sang nhượng 03 (ba) thửa đất mà C đã xóa thế chấp tại Ngân hàng Bản V cho ông Trần Văn K (sinh năm: 1977, trú tại: Thôn A, xã Hải Y, huyện Đăk Đ, tỉnh Gia Lai), rồi tiếp tục bỏ đi khỏi địa phương. Vì không thấy Trần Huy C trả tiền đã vay theo như cam kết, nên anh Đinh Xuân T đã nhiều lần đến nhà của Trần Huy C để tìm C, yêu cầu trả tiền, nhưng đều không gặp và cũng không liên lạc được với C. Do vậy, anh Đinh Xuân T đã làm đơn tố giác Trần Huy C về hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh T số tiền 2.000.000.000 đồng gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai.

Qua công tác điều tra, xác minh phát hiện Trần Huy C có 03 (ba) Giấy chứng minh nhân dân cùng số 230608071 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/4/2000, ngày 23/11/2011 và ngày 30/7/2019; Phạm Thị H (vợ C) có 03 (ba) Giấy chứng minh nhân dân cùng số 230655976, do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/10/2002, ngày 15/8/2016 và ngày 30/7/2019. Ngoài ra, Trần Huy C còn có 03 (ba) Sổ hộ khẩu gia đình do Công an xã Đăk Dj, huyện Mang Y, tỉnh Gia Lai cấp. Ngày 02/3/2020, Trần Huy C sử dụng Giấy CMND cấp ngày 23/11/2011 của C, Giấy CMND cấp ngày 15/8/2016 của vợ là Phạm Thị H và Sổ hộ khẩu cấp lại lần 3 đưa cho anh Đinh Xuân

T giữ làm tin để vay tiền. Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị H khai nhận: Trần Huy C và Phạm Thị H không bị mất Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu nhưng C tự làm đơn báo mất và xin cấp lại Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu để sử dụng. (BL 59; BL 105)

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã thu giữ chứng từ, tài liệu có liên quan thể hiện việc vay tiền của Trần Huy C với anh Đinh Xuân T và ra Quyết định trưng cầu giám định số 46/CSHS ngày 01/4/2020 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai giám định mẫu chữ viết, chữ ký. Tại Kết luận giám định số 333/KLGD ngày 21/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Chữ viết, chữ ký họ tên “Trần Huy C” trên tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Trần Huy C trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra; Chữ ký, chữ viết họ tên “Phạm Thị H” trên tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Phạm Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký và viết ra. (Giám định: BL 18 - BL 20)

Tại Cơ quan điều tra, Trần Huy C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Dân sự: Bị hại Đinh Xuân T yêu cầu Trần Huy C trả toàn bộ số tiền 2.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 03/3/2020 đối với toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, bị cáo chưa bồi thường.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Thái Đ, bà Lê Thị Huy: đối với số tiền bị cáo đã trả cho ông Đ, bà Hu thì ông Đ, bà Hu không biết tiền đó do bị cáo phạm tội mà có nên đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

* Vật chứng: không.

Tại Cáo trạng số 94/CT-VKS-P1 ngày 16/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, truy tố bị cáo Trần Huy C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự

2. Quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa:

* Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Huy C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Huy C từ 13 đến 14 năm tù

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Huy C phải bồi thường cho anh Đinh Xuân T số tiền 2.000.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 03/3/2020 đối với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo ông Trần Đại Huân: Đồng ý cáo trạng truy tố bị cáo. Tuy nhiên cho rằng mức án Kiểm sát viên đề nghị là cao, mong hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, có thiện chí mong muốn được bồi thường cho bị hại tuy nhiên việc bồi thường không thực hiện được vì hai bên không thống nhất về giá trị đất cần trừ để bồi thường, bị cáo có 03 con là lao động chính trong gia đình để xử bị cáo mức án dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Phạm Thị H không có ý kiến tranh luận gì.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị Huy: đối với số tiền bị cáo đã trả cho bà thì bà không biết tiền đó do bị cáo phạm tội mà có nên đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo và lời khai của người tham gia tố tụng có tại phiên tòa, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Trần Huy C đã lợi dụng sự tin tưởng và đưa ra thông tin gian dối là cần vay tiền để đáo nợ Ngân hàng. Anh Đinh Xuân T đồng ý cho bị cáo C vay với điều kiện khi vay tiền phải có mặt bị cáo, vợ bị cáo cùng các giấy tờ tùy thân như: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu... Để tạo lòng tin, bị cáo C đã nhờ 01 phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch giả làm vợ bị cáo tức là chị Phạm Thị H để cùng bị cáo ký vào trong giấy vay tiền. Anh Đinh Xuân T tin tưởng nên đã dùng điện thoại di động chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình số 109870810490 vào tài khoản ngân hàng của C số 0567041000126 với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ anh T bị cáo đã sử dụng tiền này để trả cho Ngân hàng 1.779.000.000 đồng và rút toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp rồi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, số tiền còn lại bị cáo đã trả cho nhiều

người khác và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó bị cáo cắt đứt liên lạc với anh T và bỏ trốn.

Như vậy, hành vi dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật là cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng để chiếm đoạt của anh Đinh Xuân T số tiền 2.000.000.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, coi thường pháp luật bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng đưa ra thông tin không đúng sự thật để chiếm đoạt tài sản 2.000.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của công dân và gây mất trật tự xã hội. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn nên bị cáo bị truy nã đã gây khó khăn cho công tác điều tra, bị cáo có khả năng về tài sản nhưng bị cáo đã không bồi thường cho bị hại, do đó cần phải xử bị cáo mức án nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng

[5] Về bồi thường dân sự:

Anh Đinh Xuân T yêu cầu bị cáo Trần Huy C phải bồi thường số tiền 2.000.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu của bị hại anh Đinh Xuân T yêu cầu bồi thường số tiền 2.000.000.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận. Do số tiền chiếm đoạt của anh Đinh Xuân T bị cáo sử dụng vào mục đích chung của gia đình, cùng vợ là chị Phạm Thị H trả nợ chung, chi tiêu chung, do vậy chị Hiên có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo Trần Huy C phải bồi thường cho anh Đinh Xuân T.

Đối với yêu cầu tính lãi suất 10%/năm tính từ ngày 03/3/2020 đối với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh Đinh Xuân T, tại phiên tòa bị cáo C và chị Phạm Thị H đồng ý bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử công nhận. Bị cáo Trần Huy C và chị Phạm Thị H phải bồi thường theo yêu cầu của bị hại số tiền lãi từ ngày bị cáo chiếm đoạt đến ngày xét xử sơ thẩm là 369.073.000 đồng.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

* Đối với chị Phạm Thị H: Ngày 20/9/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 16/2021/HSST-QĐ để xem xét, làm rõ hành vi của Phạm Thị H có dấu hiệu của tội “Che dấu tội phạm” không. Tại Kết luận điều tra bổ sung số 179/CSHS ngày 20/10/2021 của CQCSĐT và Công văn số 857/CV-VKS-P1 ngày 28/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai xác định Hiên

không có hành vi che dấu tội phạm đối với Trần Huy C, do đó không đề cập xử lý là có căn cứ.

* Đối với anh Trần Văn K: là anh rể của chị Phạm Thị H, trước đó Trần Huy C có vay anh Khoa số tiền 250.000.000 đồng, nên khi được C nhờ làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với mục đích sang tên cho anh Khoa để thế chấp vay tiền ngân hàng trả nợ số tiền đã vay của anh Khoa và trả nợ cho người khác thì anh Khoa đồng ý thực hiện. Anh Trần Văn K không biết C đã gian dối chiếm đoạt tài sản của anh Đinh Xuân T. Do vậy, không có căn cứ xác định anh Khoa có hành vi giúp sức tẩu tán tài sản và đồng phạm với Trần Huy C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

* Đối với người phụ nữ tên Hương: được C nhờ đóng giả làm vợ C để đi vay tiền của anh Đinh Xuân T, sau đó được C trả 1.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch của người phụ nữ tên Hương nêu trên nhưng chưa xác định được. Xét thấy, người phụ nữ trên đã có hành vi giúp sức cho Trần Huy C chiếm đoạt tiền của anh Đinh Xuân T, do vậy đề nghị Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục điều tra, xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Trần Huy C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Huy C 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2020

2. Về bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình:

Buộc bị cáo Trần Huy C và chị Phạm Thị H phải liên đới bồi thường cho anh Đinh Xuân T số tiền 2.369.073.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 2.000.000.000 đồng, tiền lãi 369.073.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục kê biên 03 thửa đất của bị cáo Trần Huy C và chị Phạm Thị H theo lệnh kê biên số 02/CSHS ngày 15/9/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Gia Lai để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Trần Huy C và chị Phạm Thị H.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Buộc bị cáo Trần Huy C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 79.381.460 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện KSND cấp cao
- TAND cấp cao
- Viện KSND tỉnh Gia lai;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- CQTHAHS
- Bị cáo; người TGTt khác
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Bình